TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG ————————	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ————————

Bản án số: 09/2019/DS-ST
Ngày 28-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Minh Hiếu;

Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 399/2018/TLST-DS ngày 18/12/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-DS ngày 11/4/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Châu Lê Anh T1, sinh năm 1968; thường trú: Số 4/9, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp : Ông Lưu Thanh K, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 56, đường M, khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Văn bản ủy quyền ngày 29/12/2018. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn T2; sinh năm 1982; địa chỉ: Số 64, đường số 1, khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn do người đại diện hợp pháp là ông Lưu Thanh K bày:

Do có quen biết từ trước, nên ngày 07/7/2016 ông Trần Văn T2 đã vay của ông Châu Lê Anh T1 số tiền 1.000.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ như sau: Ngày 07/8/2016 trả 250.000.000 đồng, ngày 07/9/2016 trả 250.000.000 đồng, ngày 07/10/2016 trả 250.000.000 đồng và ngày 07/11/2016 trả 250.000.000 đồng. Mặc dù hai bên không ghi lãi suất vay trong giấy vay tiền nhưng lại có thỏa miệng tiền lãi vay là 1%/tháng. Sau khi vay tiền, ông T2 không trả tiền lãi cũng như khi đến hạn trả nợ gốc ông T2 cũng không thực hiện. Nay ông Châu Lê Anh T1 khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T2 phải trả lại số tiền đã vay là 1.000.000.000 đồng, ông T1 không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là "Giấy mượn tiền" ngày 07/7/2016.

- Quá trình tố tụng, ông Trần Văn T2 đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 10/4/2019; tham gia phiên tòa vào các ngày 06/5/2019 và 28/5/2019 nhưng ông Trần Văn T2 vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét trong giấy mượn tiền ngày 07/7/2016 thể hiện có ông Hồ Văn Đ ký tên với tư cách người làm chứng nhưng không thể hiện đầy đủ thông tin về năm sinh, địa chỉ của ông Hồ Văn Đ. Tuy nhiên, quá trình tố tụng Tòa án đã thông báo yêu cầu nguyên đơn và bị đơn cung cấp cho Tòa án đầy đủ thông tin của ông Đ nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp được nên Tòa án không đưa ông Đ vào tham gia với tư cách là người làm chứng. Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông T2 vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật: Giấy mượn tiền ngày 07/7/2016 được xác lập trước ngày 01/01/2017 nên thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 07/7/2016 có cơ sở xác định ông Châu Lê Anh T1 có cho ông Trần Văn T2 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời

hạn trả nợ được chia làm 04 đợt: Ngày 07/8/2016 trả 250.000.000 đồng, ngày 07/9/2016 trả 250.000.000 đồng, ngày 07/10/2016 trả 250.000.000 đồng và ngày 07/11/2016 trả 250.000.000 đồng, giấy mượn có chữ ký của ông T2 nên có cơ sở xác định ông T1 có cho ông T2 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn hạn chót trả hết số nợ vay vào ngày 07/11/2016. Trong đơn khởi kiện nguyên đơn cho rằng khi bị đơn vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận miệng lãi suất 1%/tháng nhưng bị đơn không trả lãi cũng như không trả nợ gốc cho nguyên đơn khi nguyên đơn yêu cầu. Tuy nhiên, nguyên đơn lại không yêu cầu Tòa án tính lãi là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Quá trình tố tụng bị đơn đã được Tòa án niêm yết giấy triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản nào thể hiện ý kiến của bị đơn về việc không thừa nhận chữ ký của mình trong các giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp, đồng thời ông T2 cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thanh toán các khoản nợ nên ông T1 khởi kiện yêu cầu trả số tiền 1.000.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Châu Lê Anh T1 không phải chịu án phí. Bị đơn ông Trần Văn T2 phải chịu theo quy định của Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 227, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 471, 474 và khoản 4 Điều 478 của Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Lê Anh T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Trần Văn T2.

2. Buộc ông Trần Văn T2 phải thanh toán cho ông Châu Lê Anh T1 số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ) đồng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải

chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Châu Lê Anh T1 không phải chịu, trả lại cho ông T1 số tiền 21.000.000 (Hai mươi mốt triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0027844, ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông Trần Văn T2 phải chịu 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu) đồng.

4. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TX Dĩ An;
- Chi cục THADS TX Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Nguyệt Ánh